



DANH MỤC HOẠT ĐỘNG GIÁM ĐỊNH ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED INSPECTION ACTIVITIES

(Kèm theo quyết định số: 2004/QĐ - VACI ngày 29 tháng 09 năm 2026
của Viện Công nhận Chất lượng Việt Nam)

Tổ chức giám định/
Inspection Body: Công ty TNHH Giám định, định giá và Dịch vụ kỹ thuật Bảo Tín
Bao Tin Inspection – Valuation and Technical Services Company Limited

Mã số công nhận/
Accreditation No.: VAAS 006

Trụ sở chính/
Head Office: Tầng 4, tòa nhà Rublue, số 223 phố Đội Cấn, phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội
4 floor, Rublue building, No. 223 Doi Can Street, Ngoc Ha ward, Ha Noi City, Vietnam

Địa điểm kinh doanh/
Business address Số 15, ngách 69/22 phố Bùi Huy Bích, Phường Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội
No. 15, alley 69/22 Bui Huy Bich street, Hoang Mai Ward, Hanoi, Vietnam

Địa điểm đánh giá công nhận/
Accredited Locations: Sàn văn phòng số 2407 Vinaconex Diamond Tower, số 459C phố Bạch Mai, Phường Bạch Mai, Thành phố Hà Nội
Office floor no. 2407 Vinaconex Diamond Tower, 459C Bach Mai street, Bach Mai Ward, Hanoi, Vietnam

Điện thoại/ *Tel.:* 024 22 147 692

Email: baotinvatesco@gmail.com

Website: <http://baotinvatesco.com/>

Người đại diện/
Authorized Representative: Ông Nguyễn Thế Luân

Tiêu chuẩn công nhận/
Accreditation Standard: ISO/IEC 17020:2012

Hiệu lực công nhận/
Period of accreditation: 28/09/2031

PHẠM VI GIÁM ĐỊNH ĐƯỢC CÔNG NHẬN
SCOPE OF ACCREDITED INSPECTIONS

VAAS 006

STT/ No.	Chương trình giám định/ Inspection Scheme	Lĩnh vực giám định (và lĩnh vực con)/ Inspection Field (and sub-fields)	Phạm vi giám định/ Range of Inspection	Giai đoạn giám định/ Stage of inspection	Quy trình giám định/ Inspection Procedures
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Chương trình giám định hàng tiêu dùng/ Consumer Goods Inspection Scheme	Hàng tiêu dùng/ Consumer Goods - Hàng tiêu dùng mềm/ Softlines - Hàng tiêu dùng cứng/ Hardlines - Hàng điện – điện tử gia dụng/ Household Electrical and Electronic Appliances	Định lượng hàng hóa/ Quantification of goods + Giám định số lượng/ Quantity Inspection Giám định phẩm chất/ Specifications Inspection + Giám định chất lượng/ Quality Inspection + Phân cấp hàng hóa/ Classification of goods Giám định chủng loại hàng hóa/ Commodity Identification Inspection	Giám định khi nhập khẩu, trước và sau khi thông quan/ Inspection upon Importation, Before and After Customs Clearance	- QT – 14 - QT – 14A - QT – 33
2	Chương trình giám định máy, thiết bị và dây chuyền công nghệ/ Machinery, Equipment and Technological Production Line Inspection Scheme	- Máy và thiết bị/ Machinery and Equipment - Dây chuyền công nghệ/ Technological Production Lines	- Giám định tính đồng bộ/ Completeness and System Integrity Inspection - Giám định tính chuyên dùng/ Dedicated-Use Characteristics Inspection - Giám định chất lượng còn lại/ Remaining Quality Inspection	Giám định khi nhập khẩu, trước và sau khi thông quan/ Inspection upon Importation, Before and After Customs Clearance	- QT – 20 - QT – 21 - QT – 21B - QT – 22

TIÊU
VIỆ
NG
ẤT
IỆT
/ỘH

PHẠM VI GIÁM ĐỊNH ĐƯỢC CÔNG NHẬN
SCOPE OF ACCREDITED INSPECTIONS

VAAS 006

STT/ No.	Chương trình giám định/ Inspection Scheme	Lĩnh vực giám định (và lĩnh vực con)/ Inspection Field (and sub-fields)	Phạm vi giám định/ Range of Inspection	Giai đoạn giám định/ Stage of inspection	Quy trình giám định/ Inspection Procedures
3	Chương trình giám định vật liệu kim loại/ Metal Materials Inspection Scheme	- Vật liệu kim loại/ Metallic Materials + Vật liệu kim loại đen/ Ferrous Metallic Materials + Vật liệu kim loại màu/ Non-ferrous Metallic Materials + Hợp kim ở dạng nguyên vật liệu, bán thành phẩm và thành phẩm/ Alloys in the Form of Raw Materials, Semi- finished Products and Finished Products	- Giám định chất lượng/ Quality Inspection + Các chỉ tiêu cơ, lý, hóa/ Mechanical, Physical and Chemical Properties - Định lượng hàng hóa/ Quantification of goods + Giám định số lượng/ Quantity Inspection - Giám định mức vật liệu/ Grade inspection	Giám định khi nhập khẩu, trước và sau khi thông quan/ Inspection upon Importation, Before and After Customs Clearance	- QT – 14 - QT – 14A - QT – 27 - QT – 34

* **Ghi chú/ Note:**

- QT - XX: Quy trình giám định do tổ chức giám định xây dựng/ Inspection procedure developed by the inspection body

CHUẨN
NHẬP
LƯỢNG
NAP
★ WVT

PHẠM VI GIÁM ĐỊNH ĐƯỢC CÔNG NHẬN
SCOPE OF ACCREDITED INSPECTIONS

VAAS 006

DANH MỤC PHƯƠNG PHÁP/ QUY TRÌNH GIÁM ĐỊNH
LIST OF INSPECTION METHODS/ PROCEDURES

Tên phương pháp/ quy trình giám định <i>Name of inspection methods/ procedures</i>	Mã số/ Code:	Phiên bản/ <i>Version</i>	Ngày ban hành/ <i>Date of issue</i>
Quy trình giám định số lượng <i>Quantity Inspection Procedure</i>	QT-14	06	27/02/2026
Quy trình kiểm đếm tally <i>Tally Counting Procedure</i>	QT-14A	07	27/02/2026
Quy trình giám định tính chuyên dùng của máy móc, thiết bị <i>Procedure for Inspection of the Specific Use of Machinery and Equipment</i>	QT-20	06	27/02/2026
Quy trình giám định tính đồng bộ của dây chuyền thiết bị <i>Procedure for Inspection of the Completeness of Equipment Lines</i>	QT-21	06	17/06/2026
Quy trình giám định tính đồng bộ của máy móc, thiết bị đơn lẻ <i>Procedure for Inspection of the Completeness of Individual Machinery and Equipment</i>	QT-21B	04	17/06/2026
Quy trình giám định chất lượng còn lại của máy móc thiết bị <i>Procedure for Inspection of the Remaining Quality of Machinery and Equipment</i>	QT-22	05	27/02/2026
Quy trình giám định chất lượng của thép sản xuất trong nước và thép nhập khẩu <i>Procedure for Inspection of the Quality of Domestically Produced and Imported Steel</i>	QT-27	12	17/09/2026
Quy trình giám định tình trạng, chất lượng, chủng loại, quy cách, mục đích sử dụng của hàng hóa <i>Standard Operating Procedure: Pre-Shipment Inspection & AQL Sampling</i>	QT-33	05	05/08/2026
Quy trình giám định chất lượng vật liệu kim loại <i>Metallic Materials Quality Inspection Procedure</i>	QT-34	07	17/09/2026